

## **Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT**

### **Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT**

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu<sup>1</sup> không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.7 E-CDNT.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng tổng hợp giá dự thầu quy định tại Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng tổng hợp giá dự thầu; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

4. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.

---

<sup>1</sup> Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ khoản này.

5. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có E-HSĐT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

## **Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm<sup>1</sup>**

### **2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm**

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo Bảng số 01 Chương này và được số hóa dưới dạng webform trên Hệ thống, nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ (trừ nhà thầu phụ đặc biệt) sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSĐT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Không đưa ra yêu cầu nhà thầu đã từng thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng trên một địa bàn cụ thể hoặc nhà thầu phải có kinh nghiệm thi công xây dựng trên một địa bàn cụ thể như là tiêu chí để loại bỏ nhà thầu.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng xây lắp đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập E-HSĐT, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá E-HSĐT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên theo Mẫu số 09C Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.

---

<sup>1</sup> Đối với gói thầu áp dụng chào hàng cạnh tranh, căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu, E-HSMT có thể bao gồm tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc không bao gồm tiêu chuẩn này nhưng nhà thầu tham dự thầu phải cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu (nội dung về cam kết được thực hiện cùng với đơn dự thầu khi nhà thầu nộp E-HSĐT). Nhà thầu không phải cung cấp tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm để đối chiếu trong trường hợp E-HSMT không yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm);

Bảng số 01 (Webform trên Hệ thống)

## BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	<b>Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu</b>	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 <sup>(1)</sup> đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu <sup>(2)</sup> .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	<b>Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế</b>	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế <sup>(3)</sup> của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
3	<b>Năng lực tài chính</b>					
3.1	<b>Kết quả hoạt động tài chính<sup>(4)</sup></b>	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08A
3.2	<b>Doanh thu bình quân hằng năm</b>	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 <sup>(5)</sup> năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08A

	(không bao gồm thuế VAT)	14.743.798.496 <sup>(6)</sup> VND.		cầu này		
3.3	<b>Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu</b>	<p><i>Chủ đầu tư đưa ra yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng hoặc không yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng.</i></p> <p><i>- Trường hợp có yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng thì quy định như sau:</i></p> <p>“Nhà thầu phải chứng minh có khả năng tiếp cận hoặc có sẵn các tài sản có khả năng thanh khoản cao<sup>(7)</sup>, hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức tín dụng còn được sử dụng) hoặc các nguồn tài chính khác (không bao gồm các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là 3.184.660.475 <sup>(8)</sup>VND.</p> <p>Đối với trường hợp nhà thầu sử dụng cam kết cung cấp tín dụng của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam thì cam kết cung cấp tín dụng phải đáp ứng các điều kiện:</p> <p>- Giá trị tối thiểu: 3.184.660.475 <sup>(8)</sup>VND;</p> <p>- Thời gian có hiệu lực của cam kết cung cấp tín dụng: có hiệu lực trong 90 ngày [ghi thời gian thực hiện gói thầu] kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc có hiệu lực đến ngày 30 tháng 4 năm 2026 [ghi rõ ngày dự kiến hoàn thành hợp đồng, ví dụ: 31 tháng 12 năm 2025];</p> <p>- Được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu.”</p>	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08B, 08C

4	<p><b>Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự<sup>(9)</sup></b></p>	<p><i>Căn cứ vào tính chất, điều kiện cụ thể của gói thầu, Chủ đầu tư yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự hoặc không yêu cầu kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự.</i></p> <p><i>- Trường hợp gói thầu chưa từng được thực hiện tại Việt Nam mà cần khuyến khích doanh nghiệp Việt Nam để phát triển nội lực thì chủ đầu tư được quyết định yêu cầu về kinh nghiệm phù hợp hoặc chọn “Không áp dụng” yêu cầu về nội dung này.</i></p> <p><i>- Trường hợp có yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự thì chọn “Áp dụng” và quy định như sau:</i></p> <p><b><i>Trường hợp gói thầu chỉ bao gồm 01 công trình độc lập (công trình: Sửa chữa lớn lưới điện phân phối khu vực Cai Lậy năm 2026):</i></b></p> <p><i>Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, Chủ đầu tư chọn một trong hai cách dưới đây:</i></p> <p><i>“Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022<sup>(10)</sup> đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn<sup>(11)</sup> tối thiểu 02 công cấp IV loại đường dây và trạm biến áp (bao gồm các công trình xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, di dời) trong đó ít nhất một công trình có giá trị là V<sup>(13)</sup> 5.307.767.459 VNĐ và tổng giá trị tất cả công trình <math>\geq 10.615.534.917</math> VNĐ, với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý<sup>(14)</sup> hoặc nhà thầu phụ trong đó <math>X = 2 \times V</math>. Trường hợp nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc phần lớn<sup>(11)</sup> 01 công trình đáp ứng yêu cầu về loại kết cấu, cấp công trình và có giá trị <math>\geq 10.615.534.917</math></i></p>	<p>Phải thỏa mãn yêu cầu này</p>	<p>Không áp dụng</p>	<p>Phải thỏa mãn yêu cầu (trương đương với phần công việc đảm nhận)</p>	<p>Mẫu số 05</p>
---	---	--	----------------------------------	----------------------	---	------------------

		VNĐ thì được coi là đáp ứng. Ngoài ra, căn cứ tính chất của gói thầu, có thể quy định điều kiện tương tự về hiện trường nhưng phải bảo đảm không làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu.				
--	--	---	--	--	--	--

***Ghi chú:***

(1) Ghi thời gian yêu cầu thông thường là 03 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu.

(2) Hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;
- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(3) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1)

*(Ví dụ: ngày có thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).*

(4) Việc xác định giá trị tài sản ròng được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của nhà thầu. Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm trước của năm Y (năm Y-1).

*Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2022.*

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

(5) Ghi số năm yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trường hợp doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của E-HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu vào sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, năm Y-2...).

*Ví dụ:*

- Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022).

- Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.

(6) Cách tính toán về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số k trong công thức này là từ 1,5 đến 2;

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

**Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế**

**VAT) x k.**

Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là 1,5.

(7) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán dễ bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng và nhà thầu sử dụng cam kết này để chứng minh nguồn lực tài chính thì nhà thầu phải đính kèm bản scan cam kết cung cấp tín dụng trong E-HSDT.

(8) Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu:

a) Đối với gói thầu có thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên, yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu được xác định theo công thức sau:

**Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu = t x (Giá gói thầu/thời gian thực hiện gói thầu (tính theo tháng)).**

Thông thường yêu cầu hệ số “t” trong công thức này là 3.

b) Đối với gói thầu có thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng, yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu được xác định theo công thức sau:

**Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu = 30% x Giá gói thầu.**

(9) Trường hợp gói thầu gồm công trình và hạng mục theo quy định của pháp luật về xây dựng thì chỉ nêu yêu cầu về hợp đồng tương tự đối với công trình. Đối với các hợp đồng tương tự mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

Đối với các hợp đồng mà Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng thầu bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

(10) Ghi năm yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và có thời gian thực hiện hợp đồng lớn hơn 36 tháng, chủ đầu tư có thể quy định năm yêu cầu từ 03 năm đến

08 năm.

(11) Hoàn thành toàn bộ nghĩa là đã thực hiện xong toàn bộ công việc của công trình/hạng mục và được nghiệm thu; hoàn thành phần lớn nghĩa là đã hoàn thành và được nghiệm thu ít nhất 80% khối lượng công việc của công trình/hạng mục công trình. Thời điểm xác nhận công trình/hạng mục hoàn thành để xác định công trình/hạng mục tương tự là thời điểm nghiệm thu công trình/hạng mục, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

(12) Ghi loại kết cấu, cấp công trình của công trình thuộc gói thầu. Loại kết cấu, cấp công trình được xác định theo Phụ lục II Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng. Trường hợp công trình/loại kết cấu công trình thuộc gói thầu không có trong Phụ lục II Thông tư số 06/2021/TT-BXD thì E-HSMT phải đưa ra quy định tính tương tự về bản chất của công trình; riêng đối với cấp công trình được xác định theo Phụ lục I Thông tư số 06/2021/TT-BXD. Trường hợp Thông tư số 06/2021/TT-BXD được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì việc xác định loại, cấp công trình thực hiện theo quy định tại Thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

Loại kết cấu, cấp công trình của nhà thầu thực hiện được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

Chủ đầu tư không được đưa ra yêu cầu về hợp đồng tương tự đối với hạng mục trong trường hợp gói thầu chỉ gồm công trình hoặc cả công trình và hạng mục theo quy định của pháp luật về xây dựng (Ví dụ: yêu cầu hợp đồng tương tự đối với công trình giao thông cấp IV nhưng phải bao gồm hạng mục nền đắp đất, cấp phối đá dăm, mặt bê tông nhựa hoặc bê tông, rãnh thoát nước dọc, ngang, mái kè gia cố...).

(13) Ghi giá trị của V, V1, V2, V3. Trong đó:

- V có giá trị thông thường khoảng 50% giá trị công việc xây lắp của công trình thuộc gói thầu đang xét (công trình A). Đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị V trong khoảng 40% - 50% giá trị công việc xây lắp của công trình A.

- V1, V2, V3... có giá trị thông thường khoảng 50% giá trị của từng công trình/hạng mục tương ứng (A1, A2, A3...) thuộc gói thầu đang xét (bao gồm thuế, phí, lệ phí và chi phí dự phòng nếu có). Đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa

phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị V1, V2, V3... trong khoảng 40% - 50% giá trị của công trình/hạng mục A1, A2, A3...

- Việc đánh giá về giá trị của các công trình/hạng mục mà nhà thầu đã thực hiện, Tổ chuyên gia căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu của công trình/hạng mục đó. Thời điểm xác nhận công trình/hạng mục hoàn thành để xác định công trình/hạng mục tương tự là thời điểm nghiệm thu công trình/hạng mục, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

(Hai công trình có cấp thấp hơn liền kề với cấp của công trình đang xét, giá trị hoàn thành mỗi công trình cấp thấp hơn liền kề bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị của công trình đang xét thì được đánh giá là một công trình xây lắp tương tự).

*Ví dụ: Trường hợp công trình đang xét là công trình xây dựng có loại kết cấu dạng nhà cấp II với giá trị công trình là 60 tỷ đồng, nếu nhà thầu có 2 công trình xây dựng có loại kết cấu dạng nhà cấp III với giá trị đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn lần lượt là 30 tỷ đồng, 50 tỷ đồng thì được coi là đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn một công trình dân dụng cấp II với giá trị 30 tỷ đồng.*

- Các công trình/hạng mục tương tự mà nhà thầu đã hoàn thành có thể thuộc một hoặc nhiều hợp đồng (hợp đồng có thể đang thực hiện, chưa thanh lý).

- Đối với gói thầu gồm tổ hợp nhiều công trình theo pháp luật về xây dựng, Chủ đầu tư có thể yêu cầu phải hoàn thành công trình/hạng mục tương tự cho tất cả các công trình/hạng mục trong gói thầu hoặc chỉ yêu cầu hoàn thành công trình/hạng mục tương tự đối với một số công trình/hạng mục chính, trường hợp có một số công trình có cùng loại kết cấu thì chỉ yêu cầu về công trình/hạng mục tương tự đối với cùng loại kết cấu mà có cấp công trình cao nhất (trường hợp có nhiều công trình cùng loại kết cấu và cấp công trình thì giá trị hợp đồng tương tự được tính theo công trình có giá trị cao nhất). Công trình/hạng mục mà nhà thầu đã hoàn thành có cùng loại kết cấu và có cấp công trình cao hơn cấp công trình của gói thầu đang xét thì được coi là đáp ứng yêu cầu về loại kết cấu và cấp công trình.

Loại kết cấu, cấp công trình của công trình tương tự được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

*Ví dụ: Đối với gói thầu xây dựng “Trường trung học phổ thông A”, bao gồm tổ hợp các công trình:*

+ Nhà A1 (Nhà học): Cao 10 tầng, tổng diện tích sàn 8.000 m<sup>2</sup>, có giá trị theo dự toán được duyệt là (2X) VND. Nhà A1 là công trình kết cấu dạng nhà cấp II theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Nhà A2 (Nhà học): Cao 10 tầng, tổng diện tích sàn 5.000 m<sup>2</sup>, có giá trị theo dự toán được duyệt là (X) VND. Nhà A1 là công trình kết cấu dạng nhà cấp II theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Nhà A3 (Nhà học): Cao 6 tầng, tổng diện tích sàn 1.000 m<sup>2</sup>, có giá trị theo dự toán được duyệt là (Y) VND. Nhà A2 là công trình kết cấu dạng nhà cấp III theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Hàng rào bảo vệ: Cao 3 m

+ Nhà bảo vệ: Cao 1 tầng, diện tích sàn 12 m<sup>2</sup>

Trong E-HSMT có thể quy định kinh nghiệm thi công công trình tương tự là: “nhà thầu đã hoàn thành công trình xây dựng nhà, kết cấu dạng nhà cấp II, có giá trị tối thiểu là 50% x (2X) VND” mà không phải quy định nhà thầu phải có kinh nghiệm thực hiện cả các công trình xây dựng nhà A2, A3, hàng rào bảo vệ, nhà bảo vệ.

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà có thể yêu cầu tương tự về điều kiện hiện trường.

(14) Nhà thầu quản lý là nhà thầu không trực tiếp thực hiện một phần hoặc toàn bộ các công việc của gói thầu mà ký hợp đồng với các nhà thầu khác để thực hiện nhưng nhà thầu vẫn quản lý việc thực hiện của các nhà thầu mà mình đã ký hợp đồng, đồng thời vẫn chịu toàn bộ trách nhiệm cũng như rủi ro liên quan đến giá thành, tiến độ thực hiện, chất lượng và các nội dung khác của gói thầu.

## **2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật**

### **a) Nhân sự chủ chốt:**

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và pháp luật về xây dựng mà chủ đầu tư đưa ra yêu cầu về nhân sự chủ chốt trong E-HSMT cho phù hợp như chỉ huy trưởng công trường, cán bộ phụ trách kỹ thuật, an toàn lao động và các vị trí công việc quan trọng khác. E-HSMT không được yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với các vị trí công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông.

Nhà thầu phải cam kết trong đơn dự thầu về việc có đủ nhân sự chủ chốt đáp ứng yêu cầu của E-HSMT để làm cơ sở đánh giá. Nhà thầu cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhà thầu được xếp thứ nhất, nhân sự chủ chốt mà nhà thầu đề xuất trong E-HSMT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế tối đa hai lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc đối với mỗi lần thay thế. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại và bị đánh giá về uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSMT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSMT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Yêu cầu về nhân sự chủ chốt được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống. Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu.

Nhà thầu cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất tại các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

**Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt (Webform trên Hệ thống)**

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự <sup>(1)</sup>	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn <sup>(2)</sup>
1	Chỉ huy trưởng công trường (Điều 86, NĐ 175)	1	Tối thiểu 3 năm hoặc tối thiểu 02 hợp đồng	<p>1. Trình độ chuyên môn: Cao đẳng điện trở lên.</p> <p>2. Nhà thầu phải đệ trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bằng cấp chuyên môn phù hợp; Xác nhận của chủ đầu tư hoặc tài liệu chứng minh thời gian kinh nghiệm tham gia hoạt động xây dựng từ 02 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ đại học; từ 03 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ cao đẳng; đã tham gia thi công xây dựng phần việc thuộc nội dung hành nghề 01 công trình từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình cấp IV phù hợp với quy mô, tính chất của gói thầu (Đường dây và trạm biến áp).</li> <li>- Không có tên trong danh sách nhân sự của nhà thầu khác cùng tham gia gói thầu đang xét.</li> </ul>
2	Cán bộ phụ trách kỹ thuật thi công và giám sát về an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc phần điện/ xây dựng (Điều 106, NĐ 175)	01	<i>tối thiểu 01 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng</i>	<p>1. Vị trí công việc: Cán bộ phụ trách kỹ thuật thi công xây dựng công trình phần điện/ xây dựng (căn cứ điều 106, Nghị định 175/2024).</p> <p>2. Kinh nghiệm trong các công việc tương tự: tối thiểu 01 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng.</p> <p>3. Trình độ chuyên môn: Là trung cấp chuyên ngành điện/ xây dựng trở lên.</p> <p>4. Nhà thầu phải đệ trình:</p>

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bằng cấp chuyên môn phù hợp;</li> <li>- Xác nhận của chủ đầu tư hoặc tài liệu chứng minh đã tham gia thi công xây dựng phần việc thuộc nội dung hành nghề 01 công trình phù hợp với quy mô, tính chất của gói thầu (Đường dây và trạm biến áp).</li> </ul> <p>5. Không có tên trong danh sách nhân sự của nhà thầu khác cùng tham gia gói thầu đang xét.</p>
--	--	--	--	---

### **Ghi chú:**

(1) Trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có yêu cầu về điều kiện hành nghề đối với vị trí công việc nêu tại Bảng này trong đó có nêu rõ yêu cầu về cấp công trình thì cấp công trình theo hợp đồng mà nhân sự chủ chốt đã tham gia được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình theo hợp đồng này.

(2) Chỉ quy định trong trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có yêu cầu về bằng cấp/chứng chỉ chuyên môn.

Nhà thầu phải đệ trình Hợp đồng lao động/Hợp đồng thuê chuyên gia và các tài liệu liên quan để chứng minh khả năng huy động nhân sự của nhà thầu.

### **b) Thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu**

Căn cứ vào quy mô, tính chất cụ thể của gói thầu, Chủ đầu tư đưa ra các yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động và số lượng để thực hiện gói thầu cho phù hợp. Chỉ quy định về thiết bị thi công chủ yếu đối với các thiết bị quan trọng, đặc chủng, đặc thù bắt buộc phải có để triển khai thi công gói thầu.

Nhà thầu phải cam kết trong đơn dự thầu về việc có thiết bị thi công chủ yếu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT để làm cơ sở đánh giá. Thiết bị thi công chủ yếu có thể của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhà thầu được xếp thứ nhất và thiết bị thi công chủ yếu mà nhà thầu kê khai trong E-HSMT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động thiết bị (bao gồm cả trường hợp thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế tối đa hai lần đối với từng thiết bị trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc đối với mỗi lần thay thế. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại và bị đánh giá về uy tín khi tham dự thầu

theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai thiết bị thi công chủ yếu không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống. Nhà thầu cung cấp thông tin chi tiết về các Thiết bị thi công chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 06D Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

**Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu (Webform trên Hệ thống)**

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1	Ô tô thùng - 7÷12T	2
2	Máy đào, gầu múc - 0,4÷0,8m <sup>3</sup>	2
3	Xe cẩu hoặc tải cẩu - 5÷25T	2
4	Đàn chấn động - 1,5kW	2
5	Đàn cầm tay - 70kg	2
6	Máy trộn bê tông - 250lít	2
7	Tời điện - 5tấn	2
8	Máy hàn	2
9	Máy ép dầu coss	2
10	Máy khoan tay	2
11	Máy rải dây	2
12	Máy cưa (máy cắt)	2

Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng.

### **2.3. Nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có):**

Tổ chuyên gia chỉ xem xét, đánh giá về năng lực kỹ thuật và kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt cho phần công việc chuyên ngành được phép sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt quy định tại Mục 27.5 E-CDNT. Kinh nghiệm cụ thể và nguồn lực tài chính của nhà thầu phụ đặc biệt sẽ không được cộng vào kinh nghiệm và nguồn lực của nhà thầu khi xem xét kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu. Nhà thầu phụ đặc biệt được đề xuất phải có đầy đủ kinh nghiệm, năng lực kỹ thuật để thực hiện công việc và phải đáp ứng các tiêu chí sau đây: \_\_\_\_\_ [ghi các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá đối với nhà thầu phụ đặc biệt].

### **Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật**

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;
- Tiến độ thi công;
- Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường; các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;
- Các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);
- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;
- Các yếu tố cần thiết khác;

Chủ đầu tư được yêu cầu về nhãn hiệu theo nhóm nhãn hiệu cho nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác (đầu vào cho việc thi công theo quy định của pháp luật xây dựng các hạng mục công việc quy định trong hồ sơ mời thầu mà không phải là một hạng mục công việc của gói thầu). Nhà thầu được chào theo nhãn hiệu các nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác

theo quy định trong hồ sơ mời thầu hoặc nhãn hiệu khác có chất lượng tương đương hoặc tốt hơn.

Ví dụ: nhóm nhãn hiệu đối với xi măng: xi măng Nghi Sơn, Bỉm Sơn, Bút Sơn, Hà Tiên, Vicem Hoàng Mai. Nhà thầu được chào theo 1 hoặc một số nhãn hiệu trong các nhãn hiệu này hoặc được chào nhãn hiệu khác có chất lượng xi măng tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp do tính chất của gói thầu mà E-HSMT yêu cầu nhà thầu phải thực hiện theo đúng biện pháp thi công nêu trong E-HSMT, E-HSMT cần quy định nhà thầu được đề xuất biện pháp thi công khác với biện pháp thi công nêu trong E-HSMT. Chủ đầu tư không được đưa yêu cầu về khả năng huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu trong yêu cầu về kỹ thuật nhằm loại bỏ nhà thầu.

**\* Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt<sup>1</sup>:**

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSMT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Cụ thể như sau:

<b>Bảng Tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật</b>			
<b>STT</b>	<b>Yêu cầu</b>	<b>Đạt</b>	<b>Không đạt</b>
<b>1. Mức độ đáp ứng yêu cầu vật tư, thiết bị do nhà thầu cấp</b>			
1.1	Hợp đồng nguyên tắc mua vật tư thiết bị hoặc cam kết cung cấp vật tư thiết bị do nhà thầu cấp cho gói thầu gồm các chủng loại vật tư, thiết bị sau: - Trụ, đà cản, đế neo. - Xà thép mạ kẽm; Còi đầu trụ; Đà giàn trạm biến áp; Đà Composit; Thanh chống mạ kẽm; Cỗ dè các loại. - Cách điện và phụ kiện: Sứ treo polymer 35kV; sứ đứng 35kV; sứ ống	Nhà thầu đệ trình đầy đủ hợp đồng nguyên tắc hoặc cam kết cung cấp vật tư, thiết bị của nhà sản xuất/ nhà cung cấp để chứng minh nguồn gốc, xuất xứ của tất cả các loại vật tư, thiết	Nhà thầu đệ trình không đầy đủ hợp đồng nguyên tắc hoặc cam kết cung cấp vật tư, thiết bị của nhà sản xuất/ nhà cung cấp để chứng minh nguồn gốc, xuất xứ của tất cả các loại vật tư, thiết bị theo

<sup>1</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

<b>Bảng Tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật</b>			
<b>STT</b>	<b>Yêu cầu</b>	<b>Đạt</b>	<b>Không đạt</b>
	<p>chỉ; sứ chằng; kệ treo cáp ABC; kệ ngừng cáp ABC; chân sứ đỉnh thẳng; chân sứ đỉnh cong; ty sứ đứng.</p> <p>- Đầu cáp ngầm trung thế, hộp phân phối tải.</p> <p>- Ống PVC; Ống HDPE các loại.</p> <p>- Phụ kiện các loại: Giáp nú, giáp buộc, kệ IPC, kệ WR, kệ quai + hotline, Rack sứ, móc treo chữ U; Khóa néo dây, ống nối lèo, ống nối căng, bu lông, lon gđền ...</p> <p>- Phần móng bê tông cốt thép: cát, đá, xi măng hoặc bê tông thương phẩm; thép các loại.</p>	<p>bị theo yêu cầu.</p> <p>Hộp đồng nguyên tắc hoặc cam kết cung cấp vật tư thiết bị phải đúng theo chủng loại, mã hiệu nhà thầu chào.</p>	<p>yêu cầu hoặc các vật tư thiết bị trong đồng nguyên tắc (cam kết) không đúng chủng loại, mã hiệu nhà thầu chào.</p>
1.2	Chất lượng vật tư thiết bị do nhà thầu cấp:		
	Nhà thầu khai báo và chào thầu tất cả các thông số kỹ thuật đáp ứng các thông số quy định trong Phần II-Vật tư thiết bị do nhà thầu cấp và bản vẽ thiết kế đính kèm E-HSMT.	Tất cả các thông số kỹ thuật nhà thầu khai báo và chào thầu đáp ứng các thông số quy định trong Phần II-Vật tư thiết bị do nhà thầu cấp và bản vẽ thiết kế đính kèm E-HSMT.	Các thông số kỹ thuật nhà thầu khai báo và chào thầu không đáp ứng các thông số quy định trong Phần II-Vật tư thiết bị do nhà thầu cấp và bản vẽ thiết kế đính kèm E-HSMT.
	Nhà thầu đệ trình phiếu thử nghiệm xuất xưởng điển hình của nhà sản xuất hoặc phiếu thử nghiệm điển hình của cơ quan có thẩm quyền tương ứng cho từng loại vật tư, thiết bị nhà thầu chào để chứng minh đáp ứng chất lượng theo yêu cầu của E-HSMT.	Có đệ trình đầy đủ 100% và đáp ứng các thông số kỹ thuật theo yêu cầu theo E-HSMT	Đệ trình không đầy đủ hoặc không bổ sung làm rõ hoặc đệ trình phiếu thử nghiệm xuất xưởng điển hình không đáp ứng chất lượng theo yêu cầu của E-HSMT
	<b>Kết luận</b>	<b>Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.</b>	<b>Có 1 tiêu chuẩn được xác định là không đạt</b>
<b>2. Biện pháp tổ chức thi công và giải pháp kỹ thuật</b>			
2.1	<b>Tổ chức thi công</b>		
	Sơ đồ bố trí nhân sự điều hành và nhân lực trực tiếp thi công.	Có đệ trình sơ đồ	Không đệ trình sơ đồ
	Thuyết minh biện pháp đảm bảo an	Có thuyết minh	Không thuyết minh

<b>Bảng Tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật</b>			
<b>STT</b>	<b>Yêu cầu</b>	<b>Đạt</b>	<b>Không đạt</b>
	toàn giao thông khi triển khai thi công trên đường bộ	hợp lý, khả thi, phù hợp với quy mô, tính chất gói thầu	hoặc thuyết minh chưa hợp lý, chưa khả thi, chưa phù hợp với quy mô, tính chất gói thầu
	Ghi rõ trách nhiệm, quyền hạn các cán bộ chủ chốt bố trí quản lý thi công tại công trường	Có thuyết minh hợp lý, khả thi, phù hợp với quy mô, tính chất gói thầu	Không thuyết minh hoặc thuyết minh chưa hợp lý, chưa khả thi, chưa phù hợp với quy mô, tính chất gói thầu
	Thuyết minh mô tả mối quan hệ điều hành từ Công ty đến cán bộ chỉ huy công trường và công nhân trực tiếp thi công	Có thuyết minh hợp lý, khả thi, phù hợp với quy mô, tính chất gói thầu	Không thuyết minh hoặc thuyết minh chưa hợp lý, chưa khả thi, chưa phù hợp với quy mô, tính chất gói thầu
<b>2.2 Giải pháp kỹ thuật thi công:</b>			
	Thuyết minh tổ chức mặt bằng công trường: Thiết bị thi công, lán trại, đơn vị thí nghiệm, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí công ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công	Có thuyết minh hợp lý, khả thi, phù hợp với quy mô, tính chất gói thầu	Không thuyết minh hoặc thuyết minh chưa hợp lý, chưa khả thi, chưa phù hợp với quy mô, tính chất gói thầu
	Thuyết minh trình tự, giải pháp kỹ thuật thi công các nội dung công việc: lắp đặt móng trụ, móng neo, dây néo, dựng trụ, lắp xà & sứ, rải căng dây lầy độ võng, lắp thiết bị đóng cắt, trạm biến áp & phụ kiện	Có thuyết minh hợp lý, khả thi, phù hợp với quy mô, tính chất gói thầu	Không thuyết minh hoặc thuyết minh chưa hợp lý, chưa khả thi, chưa phù hợp với quy mô, tính chất gói thầu
	Thuyết minh giải pháp phá dỡ, tháo dỡ, vận chuyển, thu hồi các VTTB của công trình cũ.	Có thuyết minh hợp lý, khả thi, phù hợp với quy mô, tính chất gói thầu	Không thuyết minh hoặc thuyết minh chưa hợp lý, chưa khả thi, chưa phù hợp với quy mô, tính chất gói thầu
	<b>Kết luận</b>	<b>Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.</b>	<b>Có 1 tiêu chuẩn được xác định là không đạt</b>

<b>Bảng Tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật</b>			
<b>STT</b>	<b>Yêu cầu</b>	<b>Đạt</b>	<b>Không đạt</b>
<b>3. Tiến độ thi công:</b>			
3.1	Thời gian thi công: đảm bảo thời gian thi công không quá 90 ngày có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công	Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 90 ngày có tính đến điều kiện thời tiết	Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 90 ngày.
3.2	Biểu đồ tiến độ thi công phù hợp với công việc chi tiết từng hạng mục của gói thầu	Đệ trình biểu đồ tiến độ thi công được lập phù hợp với nội dung công việc chi tiết từng hạng mục, đáp ứng thời gian thi công cắt điện dự kiến theo nội dung Phần 2, Chương V, Mục II.1 của E-HSMT	Không đệ trình biểu đồ tiến độ thi công
3.3	Đệ trình nhân lực hoặc biểu đồ bố trí nhân lực phù hợp với nội dung công việc chi tiết từng hạng mục	Đệ trình nhân lực hoặc biểu đồ bố trí nhân lực phù hợp với nội dung công việc chi tiết từng hạng mục	Không đệ trình nhân lực hoặc biểu đồ bố trí nhân lực
3.4	Nhà thầu chứng minh khả năng huy động lực lượng, phương tiện thi công, giải pháp thực hiện đáp ứng tiến độ thi công theo yêu cầu	Nhà thầu đính kèm E-HSMT, khả năng huy động phương tiện, lực lượng và giải pháp thi công khả thi, đáp ứng tiến độ thi công của HSMT	Nhà thầu đính kèm E-HSMT, khả năng huy động phương tiện, lực lượng và giải pháp thi công không khả thi, chưa đáp ứng tiến độ thi công của HSMT
	<b>Kết luận</b>	<b>Cả 4 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.</b>	<b>Có 1 tiêu chuẩn được xác định là không đạt</b>
<b>4. Biện pháp bảo đảm chất lượng</b>			
4.1	Thuyết minh biện pháp bảo quản vật tư thiết bị A cấp, vật tư thiết bị Nhà thầu cấp, vật tư thiết bị thu hồi	Có thuyết minh hợp lý, khả thi, phù hợp với quy mô, tính chất gói thầu	Không thuyết minh hoặc thuyết minh chưa hợp lý, chưa khả thi, chưa phù hợp với quy mô, tính chất gói thầu
4.2	Chế độ tự kiểm tra & nghiệm thu nội bộ công việc đạt yêu cầu mới chuyển tiếp công việc	Có thuyết minh hợp lý, khả thi, phù hợp với quy mô,	Không thuyết minh hoặc thuyết minh chưa hợp lý, chưa

<b>Bảng Tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật</b>			
<b>STT</b>	<b>Yêu cầu</b>	<b>Đạt</b>	<b>Không đạt</b>
		tính chất gói thầu	khả thi, chưa phù hợp với quy mô, tính chất gói thầu
4.3	Biện pháp bảo đảm chất lượng trong thi công nền đường, mặt đường và đô bê tông.	Có thuyết minh hợp lý, khả thi, phù hợp với quy mô, tính chất gói thầu	Không thuyết minh hoặc thuyết minh chưa hợp lý, chưa khả thi, chưa phù hợp với quy mô, tính chất gói thầu
4.4	Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công.	Có thuyết minh hợp lý, khả thi, phù hợp với quy mô, tính chất gói thầu	Không thuyết minh hoặc thuyết minh chưa hợp lý, chưa khả thi, chưa phù hợp với quy mô, tính chất gói thầu
	<b>Kết luận</b>	<b>Cả 4 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.</b>	<b>Có 1 tiêu chuẩn được xác định là không đạt</b>
<b>5. Biện pháp đảm bảo an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường</b>			
<b>5.1</b>	<b>Biện pháp đảm bảo an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công</b>		
-	1. Cam kết người lao động phải được huấn luyện ATVSLĐ và cấp chứng nhận, thẻ an toàn lao động đúng đối tượng tại Khoản 5-Điều 1-Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 và Điều 24 Nghị định 44/NĐ-2016 ngày 15/5/2016	Có cam kết theo yêu cầu của E-HSMT	Không có cam kết theo yêu cầu của E-HSMT
-	2. Cam kết có trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động theo Điều 23 khoản 3 Luật an toàn vệ sinh lao động; Chế độ trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân theo Thông tư 25/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2022	Có cam kết theo yêu cầu của E-HSMT	Không có cam kết theo yêu cầu của E-HSMT
-	3. Cam kết Tổ chức thi công công trình: Thực hiện Chương III Quy trình An toàn điện ban hành kèm quyết định số 959/QĐ-EVN ngày 26/7/2021	Có cam kết theo yêu cầu của E-HSMT	Không có cam kết theo yêu cầu của E-HSMT
-	4. Thuyết minh Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công: điều kiện làm việc; phương án thi	Có thuyết minh hợp lý, khả thi, phù hợp với quy mô, tính chất gói thầu	Không thuyết minh hoặc thuyết minh chưa hợp lý, chưa khả thi, chưa phù

<b>Bảng Tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật</b>			
<b>STT</b>	<b>Yêu cầu</b>	<b>Đạt</b>	<b>Không đạt</b>
	công; phương án đảm bảo an toàn lao động; dụng cụ, phương tiện thi công; tiếp nhận, hoàn trả mặt bằng thi công; đảm bảo an toàn lao động khi làm việc trên cao, gần khu vực có điện		phù hợp với quy mô, tính chất gói thầu
<b>5.2</b>	<b>Biện pháp phòng cháy chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công</b>		
-	1. Có cam kết về việc tuân thủ quy định của pháp luật về PCCC quy định trách nhiệm với các bên liên quan trong đầu tư, xây dựng công trình (Điều 14 Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 và tại Chương VII-An toàn trong đầu tư xây dựng Quy định công tác an toàn trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo quyết định số 1221/QĐ-EVN ngày 9/9/2021)	Có cam kết theo yêu cầu của E-HSMT	Không có cam kết theo yêu cầu của E-HSMT
-	2. Thuyết minh Biện pháp phòng cháy chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công: Biện pháp PCCC tại nơi làm việc và các khu vực lân cận; Biện pháp PCCC tại trụ sở Ban chỉ huy công trường, kho bãi để vật tư thiết bị	Có thuyết minh hợp lý, khả thi, phù hợp với quy mô, tính chất gói thầu	Không thuyết minh hoặc thuyết minh chưa hợp lý, chưa khả thi, chưa phù hợp với quy mô, tính chất gói thầu
<b>5.3</b>	<b>Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công</b>		
-	1. Có cam kết về việc tuân thủ công tác vệ sinh môi trường theo luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật liên quan.	Có cam kết theo yêu cầu của E-HSMT	Không có cam kết theo yêu cầu của E-HSMT
-	2. Thuyết minh Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công: Biện pháp đảm bảo VSMT tại nơi làm việc và các khu vực lân cận; Biện pháp đảm bảo VSMT tại trụ	Có thuyết minh hợp lý, khả thi, phù hợp với quy mô, tính chất gói thầu	Không thuyết minh hoặc thuyết minh chưa hợp lý, chưa khả thi, chưa phù hợp với quy mô, tính chất gói thầu

<b>Bảng Tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật</b>			
<b>STT</b>	<b>Yêu cầu</b>	<b>Đạt</b>	<b>Không đạt</b>
	sở Ban chỉ huy công trường, kho bãi để vật tư thiết bị.		
	<b>Kết luận</b>	<b>Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.</b>	<b>Có 1 tiêu chuẩn được xác định là không đạt</b>
<b>6. Bảo hành</b>			
	Thời gian bảo hành gói thầu kể cả vật tư thiết bị nhà thầu cấp: 18 tháng.	Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 18 tháng.	Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 18 tháng.
<b>7. Uy tín của nhà thầu thông qua việc đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng (nhà thầu độc lập hoặc thành viên liên danh nhà thầu)</b>			
7.1	Kết quả thực hiện hợp đồng	Nhà thầu được đánh giá là đạt nếu theo kết quả đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng do các đơn vị trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam phê duyệt và được công khai kết quả trên HTMĐTQG, trong vòng 01 năm từ khi chủ đầu tư ra quyết định tính đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu (nhà thầu độc lập hoặc thành viên liên danh nhà thầu) không có hợp đồng xây lắp, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay trước đó bị đánh giá là “Không đạt”	Có hợp đồng bị đánh giá là không đạt.
7.2	Trường hợp nhà thầu tham gia dự thầu không có tên trong danh sách đánh giá chất lượng nhà thầu do Tập đoàn Điện lực Việt Nam phê duyệt	Không xét điều kiện này	Không xét điều kiện này

**Ghi chú:**

Tệp tin đính kèm: Tiêu chuẩn danh gia về kỹ thuật.pdf.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 đều được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

#### **Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính**

##### **\* Phương pháp giá thấp nhất<sup>1</sup>:**

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phần chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng các E-HSDT

---

<sup>1</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này.